

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NĂM 2022

TỈNH NAM ĐỊNH

1. Giới thiệu POBI 2022

2. Kết quả khảo sát POBI 2022 tỉnh Nam Định

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2022			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2022)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 46	8/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 49	XẾP HẠNG 43
ĐIỂM XẾP HẠNG 64,28	7 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 16,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 25
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Nam Định đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nam Định đạt **64,28** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **46** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Nam Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy	Điểm POBI 2022 quy đổi
-----	-----------------------	---------------------------

	đôi ¹	
A. Trụ cột sự tham gia	100	1,41
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	200	2,82
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2022	4564	64,28
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,46
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	999	14,07
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022	375	5,28
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022	375	5,28
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022	375	5,28
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1382	19,46
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,82
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,45
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	550	7,75
4. Tính đầy đủ	2349	33,08
5. Tính tin cậy	332	4,68
6. Tính liên tục	233	3,28

¹ Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Nam Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Nam Định có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng file PDF chưa tối ưu cho việc sử dụng tài liệu.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Nam Định đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm:

Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt).

- **3** loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm:

Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (**do không công khai theo Thông tư 343**), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **7** tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có **7** tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- **7** tài liệu được công khai kịp thời là:

Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (30/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (12/04/2022), Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (13/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (12/10/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (10/01/2023), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (19/12/2022), Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt) (26/12/2022).

- 0 tài liệu không được công khai kịp thời

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt:

Báo cáo **không** kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ **11/13** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58), thiếu **biểu 54, biểu 55**. Phần chi tiết **biểu 48** phản ánh **15/18** các khoản thu cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa (thiếu Thu tiền sử dụng đất, Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) và Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu phí và lệ phí, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022:

Báo cáo **có** kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ **3/3** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. **Biểu số 59** có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022:

Báo cáo **có** kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ **3/3** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. **Biểu số 59** có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022:

Báo cáo **có** kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ **3/3** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của

cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. **Biểu số 59** có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022:

Báo cáo **có** kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ **3/3** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. **Biểu số 59** có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt:

Báo cáo **có** kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ **7/7** theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết **biểu 63** phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu phí và lệ phí, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 50%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 42%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -4%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho **y tế và dân số** là **2%** (tăng 2%). Thay đổi này là **phù hợp**. Mức thay đổi này cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 21,45%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho **GDDT** năm 2023 so với 2022 là **1,27%** (tăng 1,27%). Thay đổi này là **chưa phù hợp**. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là **10,8%** (tăng 10,8%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho **Y tế và dân số** năm 2023 so với 2022 là **5,24%** (tăng 5,24%). Thay đổi này là **phù hợp**. Mức thay đổi này tăng thấp

hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là **10,8%** (tăng 10,8%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong **4 năm** (2019,2020,2021,2023), thiếu năm 2022.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong **5 năm** liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong **5 năm** liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh **không** có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh **không** công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh **không** công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm giải trình

- HĐND **có** công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND **không** công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh **không** công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh **không** công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh **có** công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng **không** có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh **có** thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng **không** có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh **không** sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh **không** công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.